

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-3-2020
V/v ly hôn, trả chấp về nuôi con

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chương,

Ông Hoàng Đức Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị ThA Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về trả chấp ly hôn, trả chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* A Hoàng Văn A sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị L sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Hoàng Văn A trình bày:

Về hôn nhân: Anh Hoàng Văn A và chị Bùi Thị L kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, được Ủy ban nhân dân xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên cấp Giấy đăng ký kết hôn số 59 ngày 21 tháng 10 năm 2016. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân hơn 4 tháng nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống đã xảy ra xô xát đánh

nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do tình cảm không còn, anh A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị L.

Về con chung: Anh Hoàng Văn A và chị Bùi Thị L có hai con Hoàng Thị D sinh năm 2000 và Hoàng Văn T sinh năm 2005. Con tên D đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không ai phải nuôi; con tên T còn nhỏ hiện nay đang ở với anh A. Khi ly hôn, đề nghị Tòa án xét nguyện vọng của cháu T, trường hợp cháu đồng ý ở với anh A nhận trách nhiệm nuôi, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Hoàng Văn A không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn Bùi Thị L trình bày: Thống nhất với lời trình bày của anh A về hôn nhân, con chung, tài sản chung cũng như nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Chị L có quan điểm chờ hai đến ba năm nữa khi cháu T học xong cấp 3 thì sẽ ly hôn. Về nuôi con chung trong trường hợp Tòa án cho vợ chồng ly hôn, cháu Tình muốn ở với bên nào chị cũng đồng ý; không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu D đã trưởng thành, có khả năng lao động nên chị không đề nghị giải quyết.

Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 2 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử cho ly hôn giữa anh Hoàng Văn A và chị Bùi Thị L; giao con Hoàng Văn T cho anh A nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh A và chị L là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, không quan tâm đến nhau. Vậy, xác định yêu cầu xin ly hôn của anh A đã thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, cần giải quyết cho ly hôn giữa anh A và chị L.

[2] Về con chung: Anh A và chị L có các con như anh A trình bày là đúng. Con Hoàng Thị D đã trưởng thành, có khả năng lao động không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét. Cháu Hoàng Văn T còn nhỏ, anh A đang nuôi và có nguyện vọng được ở với bố; vậy nên giao cháu Tình cho anh A nuôi là bảo đảm được lợi ích toàn diện và phù hợp với nguyện vọng của con quy định tại các điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào yêu cầu nên không xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không bên nào yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí: Anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Hoàng Văn A và chị Bùi Thị L.

Về nuôi con chung: Giao con Hoàng Văn T sinh ngày 09 tháng 9 năm 2005 cho anh Hoàng Văn A trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào yêu cầu nên không xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không bên nào yêu cầu nên không xét giải quyết.

Về án phí: Anh Hoàng Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng biên lai số 0003368 ngày 07 tháng 01 năm 2020. Anh Hoàng Văn A đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Cao Nhân, h. Thủy Nguyên;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng

